

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 - 11 - 2021  
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

- 1. Ông Nguyễn Thoại;**
- 2. Bà Võ Thị Kim Lan.**

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Hoàng Tiến Lực - Thẩm tra viên  
Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa:*** Bà  
Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn** cho chị Nguyễn Thị T: Bà Trần Thị Hoàng M - Luật sư, Văn phòng luật sư H M; địa chỉ: Khu phố M, Phường N, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**Bị đơn:** Anh **Hoàng Văn K**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố B, Phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố M, phường P B, thị xã P L, tỉnh B P; đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng H, sinh năm: 1949, địa chỉ: Số 37 P H C, Phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 11/8/2021), có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T bày:***

**Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn K kết hôn tự nguyện năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống từ cuối năm 2019 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên vợ chồng không hiểu nhau, anh K nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình, hay ghen tuông vô cớ, bạo hành gia đình, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Tuyết xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Hoàng Văn K.

**Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Hoàng Nguyễn Phương U, sinh ngày 15/01/2011, Hoàng Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/8/2013; Hoàng Nhật Ph, sinh ngày 30/9/2015. Nguyên vọng chị T giao cháu Hoàng Nguyễn Ngọc A cho anh K nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu 2 cháu U và Ph và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho cháu thứ hai là Hoàng Nhật Ph cho đến khi cháu Phong đủ tuổi thành niên.

**Về tài sản chung:**

Chị Tuyết có nguyện vọng giao cho anh Hoàng Văn K: Quyền sử dụng diện tích 249 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 268 (34a), tờ bản đồ số 7; địa chỉ thửa đất: Khu phố B, phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 630943 ngày 12/5/2015 và Quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất nêu trên. Yêu cầu anh K giao lại cho chị T 40% giá trị quyền sử dụng đất và 50% giá trị ngôi nhà theo giá trị tài sản đã được định giá.

+ Riêng chiếc xe mô tô hiệu Future, BKS 74 C1- 46451 trước đây chị Tuyết yêu cầu Tòa án phân chia, nay chị T xin rút yêu cầu để vợ chồng tự giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại văn bản ngày 16/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Văn K trình bày:**

**Về tình cảm:** Anh K thừa nhận thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại tình với người khác, anh K đã tha thứ nhưng chị Tuyết vẫn không thay đổi, vẫn lừa dối, phản bội anh K. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin thuận tình ly hôn với chị T.

**Về con chung:**

Anh K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 cháu: Hoàng Nguyễn Phương U, sinh ngày 15/01/2011, Hoàng Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/8/2013 và Hoàng Nhật Ph, sinh ngày 30/9/2015. Anh K không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung:**

Anh K không đồng ý theo yêu cầu của chị T, thừa đất có nguồn gốc gia đình anh K để lại cho anh K thờ cúng tổ tiên nên anh K không chia cho chị T.

Anh K có nguyện vọng giao nhà và đất cho 03 người con sở hữu và sử dụng. Anh K giao lại  $\frac{1}{2}$  giá trị ngôi nhà cho chị T.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ trình bày:**

Thừa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BV 630943 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/5/2015 mang tên người sử dụng đất: Ông Hoàng Văn K và bà Nguyễn Thị T có nguồn gốc bà nội anh Đ cho anh Đ, anh Đ đã xây hoàn thiện phần móng nhà sau đó do vào miền Nam làm việc sinh sống nên anh Điệp có lập hợp đồng tặng cho anh K, chị T. Tuy nhiên thừa đất là đất hương hỏa anh Đ chỉ cho anh K, chị T để ở và thờ cúng nên việc chị T yêu cầu chia thừa đất anh Đ không đồng ý. Còn phần móng nhà anh Đ đã xây dựng trước khi lập hợp đồng tặng cho anh K, chị T thừa đất nên anh Đ yêu cầu anh K, chị T có trách nhiệm hoàn trả cho anh Đ số tiền xây móng nhà 120.000.000 (*Một trăm hai mươi triệu*) đồng.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- *Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ *Về hôn nhân:* Đề nghị Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn K.

+ *Về con chung:* Đề nghị xử:

Giao cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Phương U, sinh ngày 15/01/2011.

Giao cho anh Hoàng Văn K được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu: Hoàng Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/8/2013 và Hoàng Nhật P, sinh ngày 30/9/2015. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung:*

Giao cho anh Hoàng Văn K được sở hữu một ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 249m<sup>2</sup> tại thửa số 268 (34a), tờ bản đồ số 7; địa chỉ thửa đất: khu phố B, phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 630943 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ H cấp ngày 12/5/2015 mang tên Hoàng Văn K và Nguyễn Thị T.

- Anh K có trách nhiệm giao cho anh Điệp số tiền xây dựng móng nhà là: **63.071.000** đồng.

- Anh K có trách nhiệm giao cho chị T số tiền **689.632.500** đồng.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 32.847.000 đồng án

phí chia tài sản. Anh K phải chịu 42.010.000 đồng án phí chia tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về nội dung:**

##### **Về hôn nhân:**

Theo trình bày của chị Tuyết, anh K cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng chị Tuyết, anh K có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K có nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người khác từ đó vợ chồng mất lòng tin nên hay cãi vã nhau dẫn đến mất hạnh phúc và đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị T và anh K đều có nguyện vọng được ly hôn.

Thấy rằng, vợ chồng chị T và anh K không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K.

**Về con chung:** Vợ chồng có 03 con chung là các cháu: Hoàng Nguyễn Phương U, sinh ngày 15/01/2011, Hoàng Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/8/2013 và Hoàng Nhật P, sinh ngày 30/9/2015.

Nguyện vọng chị Tuyết giao cháu Hoàng Nguyễn Ngọc A cho anh K nuôi dưỡng. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu Hoàng Nguyễn Phương U và Hoàng Nhật P, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Nhật P 1.500.000 đồng/tháng.

Anh K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, chị T và anh K đều có điều kiện, khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy cần chấp nhận theo nguyện vọng của các con, giao cháu Hoàng Nguyễn Ngọc A cho anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Nguyễn Phương U cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Hoàng Nhật P hiện đang ở cùng với anh K, cháu hiện đang được nhập học tại Trường TH và THCS Phường H, thành phố Đ H, gần nhà anh K. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu P học tập, ổn định tâm lý và mọi sinh hoạt cuộc sống thấy cần tiếp tục để cháu Phong được sống với bố. Vì vậy, cần giao cháu Ngọc A và cháu P cho anh K nuôi dưỡng, giao cháu U cho chị T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

##### **Về tài sản chung và nợ chung:**

+ Về tài sản chung: Chị T và anh K có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 249m<sup>2</sup> tại thửa số 268 (34a), tờ bản đồ số 7; địa chỉ thửa đất: Khu phố B, Phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 630943 ngày 12/5/2015 và tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4.

Chị T yêu cầu giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho anh K quản lý, sử dụng. Còn chị T được chia  $\frac{1}{2}$  giá trị của ngôi nhà và 40% giá trị quyền sử dụng đất.

Anh K cho rằng quyền sử dụng đất đối với thửa đất gia đình anh K để lại cho anh K thờ cúng tổ tiên nên anh Kỳ không chia cho chị T. Anh K có nguyện vọng giao nhà và đất cho 03 người con sở hữu và sử dụng. Anh K đồng ý giao lại  $\frac{1}{2}$  giá trị ngôi nhà cho chị T.

Xét thấy, theo trình bày của các bên thì nguồn gốc của thửa đất là do bà nội của anh Kỳ để lại cho anh Hoàng Văn Đ (anh trai của anh K) thừa kế để lo hương hỏa cho ông bà, sau đó, anh Đ chuyển đi nơi khác sinh sống nên đã lập hợp đồng tặng cho lại vợ chồng anh K, chị T. Như vậy, căn cứ vào Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 14/4/2015 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên anh Hoàng Văn K và chị Nguyễn Thị T, có đủ cơ sở pháp lý để xác định thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của anh K và chị T. Tuy nhiên, thửa đất có nguồn gốc của gia đình anh K nên trong việc phân chia tài sản xem xét cho anh K hưởng phần nhiều hơn với mức 60% giá trị tài sản và chị T hưởng 40% giá trị tài sản như yêu cầu chị T là có căn cứ.

Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà một tầng và các công trình phụ, chị T và anh K đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và đồng ý chia đôi giá trị ngôi nhà. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ yêu cầu chị T và anh K hoàn trả cho anh Đ số tiền xây móng nhà là 120.000.000 đồng. Tòa án đã yêu cầu anh Đ giao nộp tài liệu, chứng cứ bản thiết kế và chi phí xây dựng phần móng nhưng anh Đ không giao nộp. Chị T và anh K đều thừa nhận phần móng nhà do anh Đ xây dựng và đồng ý trả lại cho anh Đ. Tuy nhiên chị T không đồng ý theo giá 120.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án tính phần móng để giao trả cho anh Điệp theo quy định của pháp luật. Như vậy, chị T và anh K mỗi người được chia 50 % giá trị ngôi nhà tuy nhiên mỗi người phải có trách nhiệm trả cho anh Đ  $\frac{1}{2}$  giá trị phần móng nhà.

Theo kết quả thẩm định giá tại chứng thư thẩm định giá ngày 20/8/2021: Quyền sử dụng đất có giá trị là **1.395.894.000 đồng**. Tài sản gắn liền với đất: Nhà một tầng có giá trị 248.176.200 đồng, mái che trước có giá trị 10.264.800 đồng, nhà bếp có giá trị 43.691.830 đồng, công trình phụ có giá trị 23.488.465 đồng. Tổng giá trị của công trình xây dựng là **325.621.295 đồng**.

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ xây dựng về ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2020: Tỷ trọng của các phần chi phí trong suất vốn đầu tư công trình xây dựng nhà ở: Tỷ trọng chi phí phần móng công trình: 15% - 25%. Theo đó, xác định tỷ trọng chi phí phần móng ở mức trung bình là 20%. Theo kết quả thẩm định giá thì giá trị của nhà một tầng, nhà bếp, nhà vệ sinh, sân ươm là 315.356.495 đồng.

Giá trị phần móng nhà được xác định như sau:  $315.356.495 \text{ đồng} \times 20\% = 63.071.299 \text{ đồng}$ .

Như vậy giá trị tài sản mỗi người được hưởng như sau:

Anh K được chia 60% giá trị quyền sử dụng đất và 50% giá trị ngôi nhà là 1.000.347.000 đồng:  $[(1.395.894.000 \text{ đồng} \times 60\%) + (325.621.295 \text{ đồng} \times 50\%)]$

Chị T được chia 40% giá trị quyền sử dụng đất và 50% giá trị ngôi nhà là 721.168.000 đồng:  $[(1.395.894.000 \text{ đồng} \times 40\%) + (325.621.295 \text{ đồng} \times 50\%)]$

Theo yêu cầu của các bên thì toàn bộ tài sản được giao cho anh Kỳ sở hữu và sử dụng, chị Tuyết nhận phần chênh lệch chia tài sản.

Vì vậy giao cho anh K có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền xây dựng phần móng nhà là **63.071.299 đồng**.

Anh K có trách nhiệm giao cho chị T số tiền chia tài sản là **689.632.500 đồng**:  $721.168.000 \text{ đồng} - [63.071.299 \text{ đồng} \times 2]$

+ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

## **[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:**

Tổng chi phí toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.305.000 đồng, chị T đã nộp. Chị T nhận chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng, còn chi phí xem xét thẩm định tại chỗ chị T yêu cầu mỗi bên chịu 50%, anh K có trách nhiệm trả cho chị T 50% số tiền đã chi phí.

Số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 5.305.000 đồng, căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc anh K phải chịu 50% chi phí là 2.652.500 đồng.

## **[3] Về án phí:**

- Nghĩa vụ chịu án phí của chị T:

Về án phí ly hôn: Chị T thuận chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Về án phí chia tài sản:

Tổng giá trị tài sản chị T được chia là 721.168.000 đồng nên chị T phải chịu 32.847.000 đồng án phí  $(20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times 321.168.000 \text{ đồng})$ .

Tổng cộng chị T phải chịu số tiền án phí là: 33.147.000 đồng.

- Nghĩa vụ chịu án phí của anh K:

Về án phí chia tài sản: Tổng giá trị tài sản anh K được chia là 1.000.347.000 đồng. Anh K phải chịu số tiền án phí chia tài sản là: 42.010.000 đồng.

$(1.000.347.000 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times 200.347.000 \text{ đồng})$

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2, khoản 4 Điều 147, khoản 2, khoản 3 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí,

**1. Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Hoàng Văn K**.

**2. Về con chung:**

Xử giao cháu Hoàng Nguyễn Phương U, sinh ngày 15/01/2011 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao hai cháu Hoàng Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 21/8/2013 và cháu Hoàng Nhật P, sinh ngày 30/9/2015 cho anh Hoàng Văn K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh K vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:**

Giao cho anh Hoàng Văn K được sở hữu một ngôi nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng thửa đất diện tích 249m<sup>2</sup> tại thửa số 268 (34a), tờ bản đồ số 7; địa chỉ thửa đất: khu phố B, Phường H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 630943 do Ủy ban nhân dân thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 12/5/2015 mang tên Hoàng Văn K và Nguyễn Thị T có tổng trị giá **1.721.515.000** (*một tỷ bảy trăm hai mươi một triệu năm trăm mười lăm nghìn*) đồng.

- Anh Hoàng Văn K có trách nhiệm giao cho anh Hoàng Văn Đ số tiền xây dựng móng nhà là: **63.071.000** (*sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

- Anh Hoàng Văn K có trách nhiệm giao cho chị Nguyễn Thị T số tiền chia tài sản chung là **689.632.000** (*sáu trăm tám mươi chín triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn*) đồng.

**Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:**

Buộc anh Hoàng Văn K hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền 2.652.500 đồng (*hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

## **5. Về án phí:**

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 32.847.000 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 33.147.000 đồng (*ba mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.800.000 (*chín triệu tám trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001219 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp tiếp số tiền là: 23.347.000 (*ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn*) đồng.

Anh Hoàng Văn K phải chịu số tiền án phí là: 42.010.000 đồng (*bốn mươi hai triệu không trăm mười nghìn*) đồng.

**6.** Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND Phường 2, TP. Đông Hà;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hải Yến**



